

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 585/2020/HC-PT
Ngày: 25/6/2020
V/v Khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực
thuế.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hải Vân

Các thẩm phán:

Bà Lê Thị Thương Huyền

Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Ông Huỳnh Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày các ngày 20 tháng 5 năm 2020 và 25 tháng 6 năm 2020 tại trụ
sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án
hành chính thụ lý số 06/2020/TLPT-HC ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc:
“Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thuế”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 05 tháng 11 năm
2019 của Tòa án nhân dân Quận T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1844/2020/QĐ-PT ngày 23 tháng
4 năm 2020, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2741/2020/QĐ-PT ngày 29 tháng
5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6003/2020/QĐ-PT ngày 18 tháng 6
năm 2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số
1697/54 ấp 3, xã N, huyện B, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Lê Trường H, sinh
năm 1992; Địa chỉ: Số 119B/58/7 đường Nguyễn Thị Tần, Phường H, Quận M,
Thành phố H. Là người đại diện theo ủy quyền, Văn bản ủy quyền số công
chứng 004523, quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/10/2018;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

- Ông Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1972, là luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương thuộc Công ty luật TNHH CD; địa chỉ trụ sở: Số 60/1 đường Tôn Thất Tùng, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố H.

- Bà Võ Thị Như Quỳnh, sinh năm 1990, là luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, thuộc Công ty luật TNHH CD, địa chỉ trụ sở: Số 60/1 đường Tôn Thất Tùng, Phường BT, Quận 1, Thành phố H

2. *Người bị kiện:* Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận T, Thành phố H; Địa chỉ trụ sở: Số 37/13 Đoàn Như Hải, Phường MH, Quận T, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Nguyễn Văn C – Phó Đội trưởng Đội kiểm tra số 1 Chi cục Thuế Quận T;

- Ông Tạ Quang V – Phó Đội trưởng Đội quản lý nợ và Cường chế nợ thuế Chi cục Thuế Quận T.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Chi cục Thuế Quận T, Thành phố H;

Địa chỉ trụ sở: Số 37/13 Đoàn Như Hải, Phường MH, Quận T, Thành phố H

Người đại diện theo pháp luật của Chi cục Thuế Quận T: Ông Nguyễn Ngọc M, Chức vụ: Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận T.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Chi cục Thuế Quận T:

- Ông Nguyễn Văn C – Phó Đội trưởng Đội kiểm tra số 1 Chi cục Thuế Quận T;

- Ông Tạ Quang V – Phó Đội trưởng Đội quản lý nợ và Cường chế nợ thuế Chi Cục thuế Quận T.

3.2 Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Thực phẩm KT;

Địa chỉ trụ sở: Số S82A Tôn Thất Thuyết, Phường B, Quận T, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Thực phẩm KT: Ông Hà Trọng Quốc D, sinh năm 1995, là người đại diện theo ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 01/UQ ngày 27/6/2019 của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Thực Phẩm KT.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Thực phẩm KT: Ông Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1972, là luật

sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương thuộc Công ty luật TNHH CreDent; địa chỉ trụ sở: Số 60/1 đường Tôn Thất Tùng, Phường BT, Quận M, Thành phố H.

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện – Bà Nguyễn Thị Hồng T.

Tại phiên tòa, ông Lê Trường H, ông Nguyễn Hoàng H, bà Võ Thị Như Quỳnh, ông Nguyễn Văn Cường, ông Tạ Quang V có mặt. Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận T, Chi cục Thuế Quận T và ông Hà Trọng Quốc D có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, các Biên bản đối thoại và tại phiên tòa, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Hồng T có ông Lê Trường H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 25/10/2018, bà Nguyễn Thị Hồng T nhận được Công văn số 4661/CCT-QLN của Chi Cục trưởng Chi cục Thuế Quận T về việc tạm dừng xuất cảnh đối với bà T vì Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Thực phẩm KT mà bà T là đại diện theo pháp luật còn nợ ngân sách Nhà nước với tổng số tiền thuế và tiền phạt chậm nộp là 233.381.412 đồng. Việc tạm hoãn xuất cảnh đối với bà T của Chi Cục trưởng Chi cục Thuế Quận T là không có căn cứ và hoàn toàn trái với quy định của pháp luật vì:

Thứ nhất, bà T không nợ thuế, Công ty KT hiện đang nợ thuế và không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh. Công ty KT là một chủ thể có tư cách pháp nhân độc lập, nhân danh mình thực hiện các quan hệ pháp luật trong đó có pháp luật về thuế, về xử lý vi phạm hành chính. Bà T không vi phạm pháp luật về thuế thì Chi Cục trưởng Chi cục Thuế Quận T không được yêu cầu tạm dừng xuất cảnh đối với bà T.

Thứ hai, theo quy định tạm dừng xuất cảnh tại Khoản 4 Điều 21 Nghị định số 136/NĐ-CP ngày 17/8/2017 của Chính Phủ quy định về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam; theo Điều 53 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006; theo Khoản 1 Điều 40 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 (được sửa đổi bởi Điều 5 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ); theo Khoản 1 Điều 40 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 (được sửa đổi theo quy định tại Khoản 12 Điều 2 Thông tư số 26/2015/TT-BTC) quy định về “Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp xuất cảnh thì không có quy định nào quy định khi doanh nghiệp vi phạm pháp luật về thuế thì người đại diện theo pháp luật, giám đốc bị tạm hoãn xuất cảnh. Vì vậy yêu cầu tạm hoãn xuất cảnh đối với bà T của Chi Cục trưởng

Chi cục Thuế Quận T là không có căn cứ, trái pháp luật, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T, gây rất nhiều thiệt hại cho bà T. Không những thế việc làm này còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh dự, uy tín của cá nhân bà T.

Vì vậy, Người khởi kiện giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện sau:

- Hủy Công văn số 4661/CCT-QLN (Bản đăng ký đối tượng tạm hoãn xuất cảnh) ngày 25/10/2018 của Chi Cục trưởng Chi cục Thuế Quận T về việc tạm hoãn xuất cảnh đối với bà Nguyễn Thị Hồng T;

- Buộc Chi Cục trưởng Chi cục Thuế Quận T xin lỗi công khai bà T bằng hình thức văn bản và bằng 03 số báo liên tiếp của cơ quan báo chí cấp trung ương và buộc Chi Cục trưởng Chi cục Thuế Quận T bồi thường thiệt hại cho bà T với số tiền 50.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

Chi phí bù đắp tiền tổn thất tinh thần: không quá 10 tháng lương cơ sở: $10 \times 1.490.000 \text{ đồng} = 14.900.000 \text{ đồng}$ theo Điều 592 Bộ luật dân sự năm 2015; Và các chi phí: Chi phí thuê người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: 25.000.000 đồng; Chi phí đi lại, in ấn tài liệu, chi phí ăn uống, ngày làm việc: không quá 06 tháng lương cơ sở: $06 \times 1.490.000 \text{ đồng} = 8.940.000 \text{ đồng}$; Chi phí gửi đơn: không quá 01 tháng lương cơ sở: 1.490.000 đồng theo điểm a khoản 2 Điều 28 Luật Trách nhiệm Bồi thường Nhà nước.

Tổng cộng số tiền Chi Cục trưởng Chi cục Thuế Quận T phải bồi thường cho bà T là 50.330.000 đồng. Tuy nhiên, bà T chỉ yêu cầu bồi thường số tiền là 50.000.000 đồng.

** Tại Đơn xin vắng mặt ngày 10/01/2019, ông Đồng Văn Nghĩa (người đại diện hợp pháp của Chi Cục trưởng Chi Cục thuế Quận T) trình bày:*

Công văn số 4661/CCT-QLN ngày 25/10/2018 để đăng ký tạm hoãn xuất cảnh đối với bà Nguyễn Thị Hồng T, là người đại diện theo pháp luật cũng là chủ sở hữu của Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Vận tải Thực phẩm KT là một biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại điểm k Khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính, Khoản 4 Điều 21 Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17/8/2007 của Chính phủ về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.

Căn cứ Điều 1, Điều 2 Quyết định số 41/2018/QĐ-TTg ngày 25/9/2018 của Thủ tướng Chính Phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng Cục thuế thì Tổng Cục thuế là tổ chức thuộc Bộ Tài chính và Chi cục thuế ở các quận, huyện trực thuộc Cục thuế cấp tỉnh;

Căn cứ Khoản 14, Điều 2 Quyết định số 53/QĐ-TCT ngày 29/3/2010 của Tổng Cục thuế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục thuế trực thuộc Cục thuế thì Chi cục thuế thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo quy định của Luật quản lý thuế, các luật thuế, các quy định pháp luật khác có liên quan trong đó có quy định về xử lý vi phạm hành chính về thuế;

Căn cứ điểm d Khoản 3 Điều 44 Luật xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 của Quốc hội ngày 02/7/2012 thì Chi Cục trưởng Chi cục Thuế có thẩm quyền áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, i, k Khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính; Theo điểm k Khoản 4 Điều 21, Khoản 1, Khoản 2 Điều 22 Nghị định số 136/NĐ-CP ngày 17/8/2017 của Chính Phủ về các biện pháp khắc phục hậu quả do Chính phủ quy định thì Chi Cục trưởng Chi cục Thuế có quyền quyết định chưa cho công dân Việt Nam ở trong nước được xuất cảnh nếu thuộc trường hợp đang có nghĩa vụ nộp thuế.

Như vậy, theo các căn cứ nêu trên và căn cứ đã được nêu tại Công văn số 219/CV-CCT ngày 22/01/2019 của Chi cục Thuế Quận T thì việc đăng ký tạm dừng xuất cảnh đối với bà Nguyễn Thị Hồng T là đúng với quy định pháp luật. Do vậy, đề nghị Tòa án không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà T.

** Tại bản tự khai ngày 04/7/2019, ông Hà Trọng Quốc D là người đại diện theo ủy quyền của Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Thực phẩm KT trình bày:*

Công ty KT không có ý kiến gì đối với các khoản nợ thuế mà Chi cục Thuế Quận T nêu ra, tuy nhiên Công ty KT nợ thuế chứ không phải cá nhân bà T nợ thuế nên việc Chi Cục Trưởng Chi cục Thuế Quận T ban hành Văn bản số 4661/CCT-QLN QLN ngày 25/10/2018 để đăng ký tạm hoãn xuất cảnh đối với bà T là không đúng. Đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T, đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu khởi kiện của bà T theo quy định pháp luật.

** Tại Công văn số 219/CV-CCT ngày 22/01/2019 và Văn bản số 1011/CV-CCT ngày 16/4/2019, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Chi Cục thuế Quận T có ông Đồng Văn Nghĩa (người đại diện hợp pháp của Chi cục thuế Quận T) trình bày:*

Tính đến ngày 30/9/2018, Công ty KT còn nợ ngân sách Nhà nước số tiền thuế và tiền phạt nợ thuế tổng cộng là 233.381.412 đồng và mỗi tháng tăng thêm 530.366 đồng tiền chậm nộp. Đây là số tiền nợ thuế phát sinh từ ngày

30/10/2013. Chi Cục trưởng Chi cục Thuế Quận T đã thực hiện lần lượt các biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo quy định pháp luật như: cưỡng chế trích tiền từ tài khoản của ngân hàng, cưỡng chế thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng nhưng vẫn không thu hồi được số tiền nợ thuế trên.

Bà T là đại diện hợp pháp của Công ty KT, mà Công ty này là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên vì vậy bà T đồng thời là chủ sở hữu của Công ty nên bà T có trách nhiệm về các khoản nợ của Công ty trong phạm vi vốn điều lệ của Công ty KT. Theo Khoản 1 Điều 73 Luật Doanh nghiệp thì bà T phải biết về trách nhiệm, quyền hạn, nghĩa vụ của bà khi là chủ sở hữu, người đại diện pháp luật của Công ty KT trong đó có trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ khác của Công ty KT.

Công ty KT ngừng kinh doanh nhưng không thông báo với cơ quan thuế, cũng như không tiến hành thủ tục phá sản hoặc giải thể theo quy định do đó Chi cục Thuế Quận T ban hành Thông báo số 2583/TB-BKD ngày 18/5/2017 về việc Công ty KT không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký. Căn cứ Điều 54 Luật quản lý thuế, Điều 41 Thông tư 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 thì trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của công ty thuộc về chủ sở hữu doanh nghiệp mà cụ thể là bà T.

Theo Điều 53 Luật quản lý thuế, Điều 40 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013, Khoản 4, Điều 21 Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17/8/2007, bà T thuộc trường hợp đang có nghĩa vụ nộp thuế chưa hoàn thành. Do đó để thu hồi nợ thuế, Chi Cục trưởng Chi cục Thuế Quận T ban hành Bản đăng ký đối tượng tạm hoãn xuất cảnh số 4661/CCT-QLN ngày 25/10/2018 để đăng ký tạm hoãn xuất cảnh đối với bà T.

Ngày 30/10/2018, bà T đã gửi đơn khiếu nại đến Chi cục Thuế Quận T để khiếu nại Công văn số 4661/CCT-QLN ngày 25/10/2018 của Chi Cục thuế Quận T. Sau quá trình xác minh nội dung khiếu nại và căn cứ theo quy định của pháp luật hiện hành, Chi cục Thuế Quận T đã ban hành Quyết định số 3312/QĐ-CCT “về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Hồng T” với nội dung: không công nhận nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị Hồng T; Giữ nguyên Công văn số 4661/CCT-QLN ngày 25/10/2018 của Chi Cục trưởng Chi cục Thuế Quận T về việc tạm hoãn xuất cảnh đối với bà Nguyễn Thị Hồng T.

Như vậy, việc đăng ký tạm dừng xuất cảnh đối với bà Nguyễn Thị Hồng T là đúng với quy định pháp luật. Do vậy, đề nghị Tòa án không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận T đã tuyên xử:

Bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng T về việc yêu cầu hủy Công văn số 4661/CCT-QLN (Bản đăng ký đối tượng tạm hoãn xuất cảnh) ngày 25/10/2018 của Chi Cục trưởng Chi cục Thuế Quận T, Thành phố H về việc tạm hoãn xuất cảnh đối với bà Nguyễn Thị Hồng T là người đại diện pháp luật của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Thực phẩm KT – Mã số thuế 0310507336, địa chỉ kinh doanh S82A Tôn Thất Thuyết, Phường B, Quận T, Thành phố H còn nợ ngân sách Nhà nước với tổng số tiền thuế và tiền phạt là 233.381.412 đồng.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng T về việc buộc Chi Cục trưởng Chi cục Thuế Quận T công khai xin lỗi bà T bằng hình thức văn bản và bằng 03 số báo liên tiếp của cơ quan báo chí cấp trung ương và buộc Chi Cục trưởng Chi cục Thuế Quận T bồi thường thiệt hại cho bà T với số tiền là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 19/11/2019, Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Hồng T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận T, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

** Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Hồng T: Luật sư Nguyễn Hoàng H và Võ Thị Như Quỳnh trình bày:*

Chi cục Thuế Quận T áp dụng quy định pháp luật không đúng trong việc yêu cầu dừng xuất cảnh đối với bà T. Vì vậy, Công văn số 4661/CCT-QLN được ban hành trái pháp luật. Cụ thể:

Áp dụng pháp luật sai: Áp dụng luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP chứ không phải áp dụng Nghị định số 136/2007/NĐ-CP. Trong trường hợp này, theo quy định tại Điều 53 Luật quản lý thuế thì bà T chỉ bị dừng xuất cảnh trong trường hợp xuất cảnh để định cư, nhưng Công văn số 4661/CCT-QLN không nêu cụ thể tạm hoãn xuất cảnh trong trường hợp nào, do đó, bà T bị cấm xuất cảnh trong mọi trường hợp.

Đối tượng dừng xuất cảnh sai: Công ty KT nợ thuế, bà T không nợ thuế nên áp dụng biện pháp dừng xuất cảnh đối với bà T là không đúng.

Thẩm quyền yêu cầu dừng xuất cảnh: Nếu áp dụng Nghị định 136/2007 như nhận định của Chi cục Thuế Quận T thì thẩm quyền yêu cầu dừng xuất cảnh không thuộc về cơ quan thuế (căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 22 Nghị định 136/2007/NĐ-CP mà thẩm quyền không cho công dân Việt Nam xuất cảnh là Bộ trưởng hoặc chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Theo quy định tại Điều 13, Điều 14 Luật doanh nghiệp; Điều 53, Điều 54 Luật quản lý thuế thì không có quy định nào quy định đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về khoản nợ thuế của công ty mà nghĩa vụ nộp thuế là thuộc về chủ sở hữu doanh nghiệp. Do đó, Công văn số 4661/CCT-QLN đăng ký tạm hoãn xuất cảnh đối với bà T là người đại diện theo pháp luật của công ty là không có căn cứ.

Công ty KT chưa chấm dứt hoạt động và cũng không thuộc trường hợp bị giải thể, phá sản nên áp dụng Điều 53, Điều 54 Luật quản lý thuế là không có căn cứ.

Thiệt hại do việc bị dừng xuất cảnh đối với bà T là có thật nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Do đó, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận T, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

** Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị Hồng T có ông Lê Trường Hải là người đại diện hợp pháp trình bày: Thống nhất nội dung Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày và vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện của bà T.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Người bị kiện là ông Nguyễn Văn C và ông Tạ Quang V trình bày:* Giữ nguyên các ý kiến đã trình bày và yêu cầu Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Thực phẩm KT, Luật sư Nguyễn Hoàng H trình bày:* Thống nhất nội dung trình bày của Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện bà Nguyễn Thị Hồng T.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thuế Quận T có ông Nguyễn Văn C và ông Tạ Quang V trình bày:* Giữ nguyên các ý kiến đã trình bày và yêu cầu Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu quan điểm:*

Về hình thức: Tòa án nhân dân Thành phố H đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền và còn thời hiệu khởi kiện. Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính trong quá trình thụ lý và xét xử tại phiên tòa. Về phía các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền của mình do Luật tổ tụng hành chính quy định.

Về nội dung:

Do kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng T yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng T là không có cơ sở để chấp nhận nên căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính đề nghị hội đồng xét xử bác kháng cáo của Người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Ngọc Minh là Chi Cục trưởng Chi cục Thuế Quận T và là người đại diện hợp pháp Chi cục Thuế Quận T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Hà Trọng Quốc D là người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Thực phẩm KT có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 225 của Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận T, Chi cục Thuế Quận T và Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Thực phẩm KT.

[2] Về thời hiệu, thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính: Ngày 25/10/2018 Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận T ban hành Bản đăng ký đối tượng tạm hoãn xuất cảnh số 4661/CCT-QLN, ngày 13/11/2018 bà Nguyễn Thị Hồng T nộp đơn khởi kiện yêu cầu hủy Bản đăng ký nói trên. Căn cứ quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3, Khoản 1 Điều 30, Điều 31, điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 2 Nghị quyết số 104/2015/QH13 của Quốc hội về thi hành Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, Tòa án nhân dân Quận T xác định Bản đăng ký nêu trên là quyết định hành chính bị kiện, đơn khởi kiện của bà T còn thời hiệu và tiến hành thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về hình thức đơn kháng cáo: Căn cứ Điều 205, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định đơn kháng cáo của bà Nguyễn

Thị Hồng T nộp trong thời hạn luật định và đã đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận xem xét lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

[4] Về nội dung kháng cáo, Người khởi kiện yêu cầu sửa toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận T, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[4.1] Về thẩm quyền ban hành hành Bản đăng ký đối tượng tạm hoãn xuất cảnh số 4661/CCT-QLN ngày 25/10/2018 của Chi Cục trưởng Chi cục Thuế Quận T:

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 44 Luật xử lý vi phạm hành chính thì Chi Cục trưởng Chi cục Thuế có quyền áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, i và k Khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

Theo điểm k Khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính thì Chi Cục trưởng Chi cục Thuế có quyền áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả do Chính phủ quy định.

Theo quy định tại Điều 29 Nghị định 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý thuế; Khoản 3 Điều 40 Nghị định 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật quản lý thuế thì Chính phủ quy định: cơ quan quản lý xuất nhập cảnh có trách nhiệm dừng việc xuất cảnh của cá nhân trong trường hợp chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo thông báo của cơ quan quản lý thuế.

Từ những quy định trên có căn cứ để xác định Bản đăng ký đối tượng tạm hoãn xuất cảnh số 4661/CCT-QLN ngày 25/10/2018 Chi Cục trưởng Chi cục Thuế Quận T là một biện pháp khắc phục hậu quả và thuộc thẩm quyền ban hành của Chi Cục trưởng Chi cục Thuế Quận Quận T theo quy định tại điểm k Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 44 Luật xử lý vi phạm hành chính.

[4.2] Về nội dung Bản đăng ký đối tượng tạm hoãn xuất cảnh số 4661/CCT-QLN ngày 25/10/2018 của Chi Cục trưởng Chi cục Thuế Quận T:

Theo các chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các bên đương sự thì tính đến ngày 30/9/2018, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Thực phẩm KT còn nợ ngân sách Nhà nước số tiền thuế và tiền phạt nợ thuế tổng cộng là 233.381.412 đồng và mỗi tháng tăng thêm 530.366 đồng tiền chậm nộp. Chi Cục trưởng Chi cục Thuế Quận T đã thực hiện lần lượt các biện pháp cưỡng

chế nợ thuế theo quy định pháp luật như: cưỡng chế trích từ tiền tài khoản của ngân hàng, cưỡng chế thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng nhưng vẫn không thu hồi được số tiền nợ thuế trên.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên thì bà Nguyễn Thị Hồng T là chủ sở hữu và cũng là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Thực phẩm KT. Vốn điều lệ của công ty là 1.800.000.000 đồng.

Theo Khoản 1 Điều 73 Luật Doanh nghiệp thì bà Nguyễn Thị Hồng T là chủ sở hữu của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Thực phẩm KT chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ khác của Công ty KT trong phạm vi số vốn điều lệ của Công ty.

Theo Biên bản xác minh cơ sở kinh doanh tại địa chỉ đăng ký kinh doanh với cơ quan thuế ngày 16/5/2017 và Công văn số 226/UBND ngày 05/9/2019 của Ủy ban nhân dân Phường B, Quận T, Thành phố H thì: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Thực Phẩm KT, địa chỉ trụ sở: Số S82A Tôn Thất Thuyết, Phường B, Quận T, Thành phố H đã tháo dỡ bảng hiệu, không có dấu hiệu hoạt động, không có nhân viên, văn phòng làm việc cách đây hơn ba năm, không rõ thông tin.

Công ty KT ngừng kinh doanh nhưng không thông báo với cơ quan thuế, cũng như không tiến hành thủ tục phá sản hoặc giải thể là đã vi phạm các quy định tại Khoản 7 Điều 7 Luật quản lý thuế, Điều 200 Luật doanh nghiệp.

Do Công ty KT đã đình chỉ mọi hoạt động khi chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế nên Chi Cục trưởng Chi cục Thuế Quận T xác định phần nợ thuế còn lại do chủ sở hữu doanh nghiệp chịu trách nhiệm nộp là đúng quy định tại khoản 3 Điều 54 Luật quản lý thuế.

Từ những căn cứ trên, có cơ sở để xác định Bà T là đại diện hợp pháp đồng thời là chủ sở hữu của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên KT. Theo Khoản 1 Điều 73 Luật Doanh nghiệp, Khoản 3 Điều 54 Luật quản lý thuế thì bà T phải chịu trách nhiệm về khoản nợ thuế của Công ty KT trong phạm vi số vốn điều lệ của Công ty.

Do Công ty KT là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, ngừng kinh doanh nhưng không thông báo với cơ quan thuế, cũng như không cung cấp chính xác đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế nên Chi cục Thuế Quận T căn cứ vào số vốn điều lệ mà Công ty đã đăng ký để xác định trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của Công ty thuộc về

Chủ sở hữu doanh nghiệp mà cụ thể là bà T là phù hợp với quy định của pháp luật. Đồng thời, Chi Cục trưởng Chi cục Thuế Quận T xác định đối tượng dừng xuất cảnh là bà Nguyễn Thị Hồng T là đại diện pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên KT là đúng đối tượng.

Theo quy định tại Điều 53 Luật quản lý thuế; Điều 29 Nghị định 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý thuế; Khoản 3 Điều 40 Nghị định 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế thì cơ quan quản lý xuất nhập cảnh có trách nhiệm dừng việc xuất cảnh của cá nhân trong trường hợp chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo thông báo của cơ quan quản lý thuế. Do đó, Chi Cục trưởng Chi cục Thuế Quận T ban hành Bản đăng ký đối tượng tạm hoãn xuất cảnh số 4661/CCT-QLN ngày 25/10/2018 để thông báo về việc chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế của bà Nguyễn Thị Hồng T là đại diện pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên KT với cơ quan quản lý xuất nhập cảnh là đúng quy định pháp luật. Còn việc dừng việc xuất cảnh của Bà T thì thuộc trách nhiệm của Cục quản lý xuất nhập cảnh.

Từ những căn cứ nêu trên, có cơ sở để xác định Bản đăng ký đối tượng tạm hoãn xuất cảnh số 4661/CCT-QLN ngày 25/10/2018 của Chi Cục trưởng Chi cục Thuế Quận T được ban hành đúng quy định pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu hủy Bản đăng ký đối tượng tạm hoãn xuất cảnh số 4661/CCT-QLN ngày 25/10/2018 của bà Nguyễn Thị Hồng T là đúng quy định pháp luật.

[5] Xét yêu cầu buộc Chi Cục trưởng Chi cục Thuế Quận T xin lỗi công khai bà T bằng hình thức văn bản và bằng 03 số báo liên tiếp của cơ quan báo chí cấp trung ương và bồi thường thiệt hại cho bà T với số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng của Người khởi kiện:

Do Bản đăng ký đối tượng tạm hoãn xuất cảnh số 4661/CCT-QLN ngày 25/10/2018 của Chi Cục trưởng Chi cục Thuế Quận T, Thành phố H ban hành đúng quy định pháp luật nên giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm về việc không chấp nhận yêu cầu buộc Chi Cục trưởng Chi cục Thuế Quận T xin lỗi công khai bà T bằng hình thức văn bản và bằng 03 số báo liên tiếp của cơ quan báo chí cấp trung ương và buộc Chi Cục trưởng Chi cục Thuế Quận T bồi thường thiệt hại cho bà T với số tiền là 50.000.000 đồng.

[6] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 31 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì người yêu cầu bồi thường thiệt hại trong vụ án hành chính không phải nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm thu tiền tạm ứng án phí của bà T đối với yêu cầu buộc Chi Cục trưởng Chi cục Thuế Quận T bồi thường thiệt hại cho bà T với số tiền là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AG/2014/0009719 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận T, Thành phố H là không đúng quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm cần lưu ý và rút kinh nghiệm.

Do Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T nên cấp sơ thẩm buộc bà T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm và 2.500.000 đồng tiền án phí đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại là đúng với quy định tại Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Như vậy kháng cáo của Người khởi kiện yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận T, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện là không có cơ sở để chấp nhận.

[8] Về án phí phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người khởi kiện là bà Nguyễn Thị Hồng T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3, Khoản 1 Điều 30, Điều 31, điểm a Khoản 2 Điều 116, Khoản 4 Điều 225, Khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ điểm k Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 44 Luật xử lý vi phạm

hành chính;

Căn cứ Khoản 7 Điều 7, Điều 53, Khoản 3 Điều 54 Luật quản lý thuế;

Căn cứ khoản 1 Điều 73, Điều 200 Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều 29 Nghị định 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý thuế;

Căn cứ Khoản 3 Điều 40 Nghị định 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật quản lý thuế;

1. Bác kháng cáo của Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Hồng T và giữ nguyên phần nội dung tại quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2019/HC-ST ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận T như sau:

Bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng T về việc yêu cầu hủy Công văn số 4661/CCT-QLN (Bản đăng ký đối tượng tạm hoãn xuất cảnh) ngày 25/10/2018 của Chi Cục trưởng Chi cục Thuế Quận T, Thành phố H về việc tạm hoãn xuất cảnh đối với bà Nguyễn Thị Hồng T là người đại diện pháp luật của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Thực phẩm KT – Mã số thuế 0310507336, địa chỉ kinh doanh S82A Tôn Thất Thuyết, Phường B, Quận T, Thành phố H còn nợ ngân sách Nhà nước với tổng số tiền thuế và tiền phạt là 233.381.412 đồng.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng T về việc buộc Chi Cục trưởng Chi cục Thuế Quận T công khai xin lỗi bà T bằng hình thức văn bản và bằng 03 số báo liên tiếp của cơ quan báo chí cấp trung ương và buộc Chi Cục trưởng Chi cục Thuế Quận T bồi thường thiệt hại cho bà T với số tiền là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

2. Về án phí:

2.1 Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm 300.000 đồng mà bà T đã nộp theo Biên lai thu số AG/2014/0009718 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận T, Thành phố H và 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng do yêu cầu bồi thường thiệt hại nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm 1.250.000 đồng mà bà T đã nộp theo Biên lai thu số AG/2014/0009719 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận T, Thành phố H. Bà Nguyễn Thị Hồng T còn phải nộp vào Chi cục Thi hành án Dân sự Quận T,

Thành phố H số tiền 1.250.000 (một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm.

2.2 Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà T đã nộp theo Biên lai thu số AA/2018/0024753 ngày 22/11/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận T. Bà T đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Thành phố H;
- Chi cục THADS Quận T;
- Tòa án nhân dân Quận T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hải Vân

